

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2017/HS-PT

Ngày 27-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuyên

Các thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Phạm Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Đoàn Thuý An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Trần Duy Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 27-9-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 79/2017/HS-PT ngày 31 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Duy T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 23/2017/HSST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk G'Long.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Duy T, sinh năm 1971, tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn 13, xã Lộc N, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Duy N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Trần Thị L và có 05 con; bị bắt tạm giam từ ngày 17/9/2016 đến ngày 17/11/2016; hiện tại ngoại – Có mặt.

2. Trần Xuân M, sinh năm 1982, tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Bon N'T, xã Quảng S, huyện Đăk G, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Xuân N và bà Vũ Thị H; có vợ là Vũ Thị T và có 03 con; bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2016 đến ngày 17/11/2016; hiện tại ngoại – Có mặt.

3. Vũ Văn T, sinh năm 1972, tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Ấp Phú Th, xã Hòa H, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; con ông Vũ Văn S và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị S và có 05 con; bị bắt tạm giam từ ngày 23/3/2017, hiện tạm giam – Có mặt.

4. Trần Xuân D , sinh năm 1992, tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Bon N'T, xã Quảng S, huyện Đăk G, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Xuân G và bà Nguyễn Thị H; bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2016 đến ngày 17/11/2016; hiện tại ngoại – Có mặt.

5. Vũ Văn P, sinh năm 1976, tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Bon N, xã Quảng S, huyện Đăk G, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; con ông Vũ Văn S và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Bùi Thị T và có 02 con; bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2017, hiện tạm giam – Có mặt.

6. Y'M , sinh năm 1994, tại Đăk Nông; nơi cư trú: Bon N'D, xã Quảng S, huyện Đăk G, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: M'Nông; con ông YK và bà H'B; hiện tại ngoại – Có mặt.

7. Trần Xuân D1, sinh năm 1991, tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Bon N'T, xã Quảng S, huyện Đăk G, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Xuân C và bà Vũ Thị S; có vợ là Nguyễn Thị Tr và có 01 con; hiện tại ngoại – Có mặt.

8. K'T, sinh năm 1989, tại Đăk Nông; nơi cư trú: Bon N'T, xã Quảng S, huyện Đăk G, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: M'Nông; con ông K'T (đã chết) và bà H'J; có vợ là H'Y; hiện tại ngoại – Có mặt.

9. K'D, sinh năm 1990, tại Đăk Nông; nơi cư trú: Bon N'T, xã Quảng S, huyện Đăk G, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: M'Nông; con ông K'A (đã chết) và bà H'M; có vợ là H'B và có 02 con; hiện tại ngoại – Có mặt.

10. K'Th, sinh năm 1996, tại Đăk Nông; nơi cư trú: Bon N'T, xã Quảng S, huyện Đăk G, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: M'Nông; con ông K'S (đã chết) và bà H'J; hiện tại ngoại – Có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ thương mại Hợp Tiến; đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn V – Cv Phó Giám đốc; địa chỉ: Thôn Quảng H, xã Quảng S, huyện Đăk G, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02/2016, Nguyễn Duy T cùng với Nh (*Không rõ nhân thân, lai lịch*) đến nhà K'T1 ở: Bon N'Ting, xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong, để chơi. Tại đây, K'T1 nói với T "*Tôi có ít đất rừng đã khai phá trước đó, nay tôi để lại cho anh làm, nếu sau này làm được thì trả cho anh em tôi ít tiền công*", thì T đồng ý. Sau đó,

K'T1 dẫn T, Nh và Trần Xuân M (*T rủ đi cùng*) vào khu rừng tại lô 2, lô 6 khoảnh 1 Tiểu khu 1644 thuộc địa giới hành chính xã Quảng Sơn, do Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ thương mại Hợp Tiến (*gọi tắt là Hợp tác xã Hợp Tiến*) quản lý để xem; xem xong, K'Tóp hướng dẫn cho T và N cách khai phá khu rừng trên bằng cách viết 01 tờ giấy sang nhượng đất rẫy giả giữa T và K'R (*Đã chết*), sau đó mang giấy này đến Hợp tác xã Hợp Tiến để xin khai phá. Nghe vậy T, N đồng ý và nhờ M viết hộ giấy sang nhượng để đến gặp ông Lê Văn V là Phó Giám đốc Hợp tác xã Hợp Tiến xin khai phá khu rừng tại lô 2, lô 6 khoảnh 1 Tiểu khu 1644. Mặc dù không được sự đồng ý nhưng đầu tháng 3/2016, T đã thuê M và D khai phá đất rừng, đồng thời nhờ M tìm người phá rừng. Sau đó T còn thuê Vũ Văn V, Lê Huy G, Trần Xuân D và Nguyễn Duy C đi phá rừng. Sau khi được T nhờ, M thuê được Y'M và Vũ Văn T. Đồng thời M nói Y'M rủ được K'T, K'D và K'Th; T rủ được Vũ Văn P và Trần Xuân D1.

Ngày 12/3/2016 T, P, M, D và Y'M vào khu rừng trên dùng dao phát chặt phá cây rừng từ 07 giờ sáng đến chiều thì bị lực lượng quản lý, bảo vệ rừng của Hợp tác xã Hợp Tiến phát hiện. Diện tích rừng mà T, P, Y'M, M và D đã hủy hoại là 3.100m².

Ngày 14/3/2016 T, P, M, D, D1, Lê Huy G và Vũ Văn V tiếp tục vào khu rừng trên dùng dao phát chặt phá cây rừng từ 07 giờ đến 11 giờ thì bị lực lượng quản lý, bảo vệ rừng của Hợp tác xã Hợp Tiến phát hiện. Diện tích rừng mà T, P, M, D, D1, G và V đã hủy hoại là 3.460m².

Ngày 15/3/2016 T, P, M, D, D1, G, Y'M, C, K'T, K'D và K'Th tiếp tục vào khu rừng trên dùng dao phát chặt phá cây rừng từ 07 giờ đến 11 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Đắk G, Hạt kiểm lâm huyện Đắk G và Hợp tác xã Hợp Tiến phát hiện yêu cầu về làm việc. Diện tích rừng mà T, P, M, D, D1, G, Y'M, C, K'T, K'D và K'Th đã hủy hoại là 6.200m².

T đã trả cho M 300.000đ, trả cho D 600.000đ tiền công.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 16/3/2016 và biên bản xác minh hiện trường ngày 06/10/2016 của Công an, Viện kiểm sát, Hạt kiểm lâm huyện Đắk G xác định: Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 12.760m².

Tại bản Kết luận giám định ngày 01/7/2016, bản Kết luận giám định bổ sung ngày 14/7/2016 của Giám định viên tư pháp thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Nông và bản Kết luận giám định bổ sung ngày 19/01/2017 của Giám định viên tư pháp thuộc Chi cục Kiểm lâm huyện C, tỉnh Đắk Nông kết luận:

- Về loại rừng: Rừng sản xuất.
- Về trạng thái rừng: Rừng thường xanh trung bình.
- Về mức độ thiệt hại về rừng: 100%.

- *Giá trị thiệt hại tính bằng tiền là: 169.578.931đ (cụ thể ngày 12/3/2016 hủy hoại 3.100m² Tiền 42.887.843đ, ngày 14/3/2016 hủy hoại 3.460m² Tiền 47.144.999đ, ngày 15/3/2016 hủy hoại 6.200m² Tiền 79.546.089đ).*

Vật chứng: 08 dao phát có đặc điểm giống nhau: dài 95cm; lưỡi bằng thép; đầu bằng, dài 29cm; cán bằng tre của Trần Xuân M, Trần Xuân D, Vũ Văn T, Vũ Văn P, Nguyễn Duy C, Lê Huy G, Trần Xuân D1 và Vũ Văn V. 04 dao phát có đặc điểm giống nhau: dài 100cm; lưỡi bằng thép, mũi quắm, dài 30cm; cán bằng tre của Y'M, K'T, K'Đ và K'Th. 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại DH88, màu sơn đỏ, BKS: 49S2-9741 của Trần Xuân D1. Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 900.000đ do Trần Xuân M và Trần Xuân D giao nộp.

Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2017/HSST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Duy T, Trần Xuân M, Trần Xuân D, Vũ Văn Ph, Vũ Văn T, Y'M, Trần Xuân D1, K'T, K'Đ, K'Th và Nguyễn Duy C phạm tội “Hủy hoại rừng”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 189; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy T** 01 (một) năm tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/9/2016 đến ngày 17/11/2016.

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn T** 01 (một) năm tù tính từ ngày 23/3/2017.

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn P** 01 (một) năm tù tính từ ngày 18/01/2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Xuân D** 01 (một) năm tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/8/2016 đến ngày 17/11/2016.

Xử phạt bị cáo **Trần Xuân M** 01 (một) năm tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/8/2016 đến ngày 17/11/2016.

- Áp dụng khoản 1 Điều 189; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 (các bị cáo K'T, K'Đ, K'Th áp dụng thêm Điều 47) của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Y'M** 09 (chín) tháng tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Trần Xuân D1** 07 (bảy) tháng tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt các bị cáo **K'T, K'Đ, K'Th** mỗi bị cáo 03 (ba) tháng tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 189; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy C 06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng và gia đình bị cáo cùng phối hợp để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Tính trên diện tích rừng từng bị cáo tham gia huỷ hoại và thiệt hại tính bằng tiền được chia theo phần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự Hợp tác xã Hợp Tiến số tiền 169.578.931đ. Chấp nhận các bị cáo đã bồi thường được 30.800.000đ (trong đó: bị cáo T5.000.000đ; các bị cáo D, P, T, Minh, C mỗi bị cáo 2.000.000đ; các bị cáo Y'M, K'D, K'T, K'Th mỗi bị cáo 3.000.000đ; bị cáo D1 3.800.000đ); các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 138.778.931đ (cụ thể: bị cáo T17.236.936đ; các bị cáo D, P, T, M mỗi bị cáo 20.236.936đ; bị cáo Y'M 11.379.436đ; bị cáo D1 11.288.963đ; các bị cáo K'D, K'T, K'Th mỗi bị cáo 4.231.463đ; bị cáo Cơ 5.231.463đ).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu thi hành án thì các bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và nguyên đơn dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị cáo Nguyễn Duy Th, Trần Xuân M, Vũ Văn T, Trần Xuân D, Vũ Văn Ph, Y'M, Trần Xuân D1, K'T, K'D, K'Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra bị cáo Trần Xuân D1 xin giảm mức bồi thường trách nhiệm dân sự vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Duy T, Trần Xuân M, Trần Xuân D, Vũ Văn T, Vũ Văn P, Y M, Trần Xuân D1 đã nộp toàn bộ số tiền mà các bị cáo phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự Hợp tác xã Hợp tiến tại Chi Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Duy T nộp 17.236.936 đồng, các bị cáo Trần Xuân D, Vũ Văn P, Trần Xuân M, Vũ Văn T mỗi bị cáo nộp 20.236.936 đồng, bị cáo Trần Xuân D1 nộp 11.288.936 đồng.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm. Các bị cáo thừa

nhận Tòa án nhân dân huyện Đắk G xử phạt bị cáo về tội “*Hủy hoại rừng*” theo Điều 189 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo K'T, K'Đ, K'Th. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Duy Th, Trần Xuân D1, Trần Xuân D , Trần Xuân M, Vũ Văn P, Vũ Văn T, Y M. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 01 năm tù, Bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn P và Trần Xuân M mức hình phạt từ 08 đến 10 tháng tù, bị cáo Trần Xuân D1 và Y M mỗi bị cáo 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2017/HSST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'Long đã kết án các bị cáo Nguyễn Duy T, Trần Xuân M, Trần Xuân D , Vũ Văn Phan, Vũ Văn T phạm tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm c khoản 2 Điều 189 của Bộ luật hình sự, kết án các bị cáo Y'M , Trần Xuân D1, K'T, K'Đ, K'Th và Nguyễn Duy C phạm tội “*Hủy hoại rừng*” theo khoản 1 Điều 189 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Duy Th, Trần Xuân M, Trần Xuân D , Vũ Văn Phan, Vũ Văn Tòng, , Trần Xuân D1, hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cung cấp các biên lai thể hiện việc thực hiện toàn bộ trách nhiệm dân sự cho nguyên đơn dân sự, cụ thể bị cáo Nguyễn Duy T nộp 17.236.936 đồng, các bị cáo Trần Xuân D , Vũ Văn P, Trần Xuân M, Vũ Văn T mỗi bị cáo nộp 20.236.936 đồng, bị cáo Trần Xuân D1 nộp 11.288.936 đồng, đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện sự ăn năn, hối cải của các bị cáo đối với hành vi phạm tội của mình gây ra. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Y M: Hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo phải nuôi mẹ già, con nhỏ, vợ bị cáo hiện đang có thai. Vì vậy, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội có thái độ ăn năn, hối cải, cần giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Y'M .

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo K'T, K'Th, K'D, Hội đồng xét xử xét thấy Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và xử phạt bị cáo K'T, K'D, K'Th mỗi bị cáo 03 (ba) tháng tù là tương xứng với tính chất, vai trò, mức độ và hành vi các bị cáo gây ra. Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Trần Xuân D1 xin giảm mức bồi thường trách nhiệm dân sự vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ trên diện tích rừng từng bị cáo tham gia huỷ hoại và thiệt hại tính bằng tiền được chia theo phần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự Hợp tác xã Hợp Tiến số tiền 169.578.931đ, trong đó bị cáo Trần Xuân D1 phải bồi thường số tiền là 14.088.963 đồng, tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Trần Xuân D1 cung cấp biên lai thể hiện đã bồi thường toàn bộ số tiền 14.088.963 đồng cho nguyên đơn dân sự Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ thương mại Hợp Tiến nhưng vẫn tiếp tục xin giảm mức bồi thường thiệt hại. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân D1.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Duy T, Trần Xuân D1, Trần Xuân D, Trần Xuân M, Vũ Văn T, Vũ Văn P, Y'M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo K'D, K'T, K'Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Duy T, Trần Xuân M, Vũ Văn T, Trần Xuân D, Vũ Văn P, Trần Xuân D1, Y'M. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 189; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy T** 01 (một) năm tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/9/2016 đến ngày 17/11/2016.

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn T** 09 (chín) tháng tù tính từ ngày 23/3/2017.

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn P** 09 (chín) tháng tù tính từ ngày 18/01/2017.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Vũ Văn T và Vũ Văn P để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Trần Xuân D** 09 (chín) tháng tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/8/2016 đến ngày 17/11/2016.

Xử phạt bị cáo **Trần Xuân M** 09 (chín) tháng tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/8/2016 đến ngày 17/11/2016.

- Áp dụng khoản 1 Điều 189; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Y'M** 06 (sáu) tháng tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Trần Xuân D1** 04 (bốn) tháng tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo K'T, K'D, K'Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 189; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo **K'T, K'D, K'Th** mỗi bị cáo 03 (ba) tháng tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm mức bồi thường trách nhiệm dân sự của bị cáo Trần Xuân D1.

Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Tính trên diện tích rừng rừng bị cáo tham gia huỷ hoại và thiệt hại tính bằng tiền được chia theo phần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn dân sự Hợp tác xã Hợp Tiến số tiền 169.578.931đ. Chấp nhận các bị cáo đã bồi thường được 140.273.643 đồng. Các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 29.305.288 (cụ thể: bị cáo Y'M 11.379.436đ; các bị cáo K'D, K'T, K'Th mỗi bị cáo 4.231.463đ; bị cáo Cơ 5.231.463đ).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu thi hành án thì các bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Duy T, Trần Xuân M, Vũ Văn P, Vũ Văn T, Trần Xuân D, Trần Xuân D1, Y'M không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc các bị cáo K'T, K'D, K'Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CA huyện Đắk G'Long;
- VKSND huyện Đắk G'Long;
- TAND huyện Đắk G'Long;
- Chi cục THADS huyện Đắk G'Long;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu: HS, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thuyên